| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẾN TRE**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST.<br>Ngày: 30-7-2019.<br>V/v "*Ly hôn giữa bà L với ông M*". | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Thùy Dương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Hồ Cẩm L, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn*: Ông Trương Hoàng M, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà L có mặt, ông M vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hồ Cẩm L trình bày:*

Bà và ông Trương Hoàng M tự nguyện kết hôn vào năm 1998, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường B, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 12 tháng 8 năm 1998. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông M thường xuyên uống rượu, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Dù

bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông M vẫn không thay đổi. Từ năm 2016 đến nay, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, không thể hàn gắn. Bà và ông M đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông M không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Trương Hoàng Y sinh ngày 20/7/1999 – con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Trương Hoàng M tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Trương Hoàng M không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông Trương Hoàng M cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Cẩm L khởi kiện bị đơn ông Trương Hoàng M. Hiện nay, ông M đang cư trú tại ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trương Hoàng M nhưng ông M vẫn vắng mặt nên không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M là phù hợp.

[2] Bà L và ông M tự nguyện kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường B, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12 tháng 8 năm 1998 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà L, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông M thường xuyên uống rượu, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Dù bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông M vẫn không thay đổi. Từ năm 2016 đến nay, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, không thể hàn gắn. Bà và ông M đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà L và ông M nhưng ông M vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà L. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt

nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Trương Hoàng Y sinh ngày 20/7/1999 – con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà L phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Cẩm L và ông Trương Hoàng M.

2. Về con chung: bà L và ông M có 01 con chung tên Trương Hoàng Y sinh ngày 20/7/1999 – đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0002702 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lương Thị Thùy Dương**